TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Chung và ông Nguyễn Văn Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Cao Thị P –** sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp BM, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Quỳnh Văn L** – sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp BM, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P và anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2019 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị P và anh Quỳnh Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên có xảy ra cãi nhau, anh L ham chơi không quan tâm chăm lo cho gia đình, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Từ tháng 3/2017, anh chị đã không còn chung sống cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị P trình bày có 01 (Một) con chung là Quỳnh Thị Bảo N – sinh ngày 03/11/2015. Chị P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị P trình bày chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 09 tháng 7 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Quỳnh Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L thừa nhận anh và chị Cao Thị P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo luật định. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên có xảy ra cãi nhau, anh L thừa nhận anh có ham chơi nhưng vẫn có trách nhiệm quan tâm chăm lo cho gia đình. Từ tháng 3/2017, Chị P dẫn con là cháu N bỏ nhà đi nên anh chị đã không còn chung sống cho đến nay. Anh nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh L thừa nhận anh chị có 01 (Một) con chung là Quỳnh Thị Bảo N – sinh ngày 03/11/2015. Anh đồng ý giao con cho Chị P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh L trình bày anh và Chị P không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau đây: Đơn khởi kiện, Chứng minh nhân dân của nguyên đơn (Bản sao), Chứng nhận kết hôn (Bản sao), Giấy khai sinh con chung (Bản sao), Giấy xác nhận hộ khẩu thường trú. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ trên cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của các đương sự; Đơn đề nghị xác minh, Đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ sao gửi tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn; Đơn đề nghị hoãn phiên họp của bị đơn; Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của các đương sự; Biên bản xác minh của Tòa án. Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Chị P. Về hôn nhân: Cho Chị P được ly hôn với anh L. Về con chung: Giao cho Chị P trực tiếp nuôi con chung là Quỳnh Thị Bảo N – sinh ngày 03/11/2015, tạm thời anh L chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Chị P, anh L

trình bày anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Quỳnh Văn L có nơi cư trú tại xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Cao Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh L, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chị P là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự Chị P là nguyên đơn và anh L là bị đơn, được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên hòa giải nhưng có đơn giải quyết vắng mặt vì có lý do chính đáng (hiện nay đang cư trú tại tỉnh Cao Bằng, phải nuôi con nhỏ nên khó khăn trong việc đến tham gia tố tụng). Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị P và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 20/4/2015. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị P trình bày trong quá trình chung sống thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì anh L ham chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Anh chị đã không còn sống chung từ tháng 3/2017 cho đến nay, anh chị đã có nói chuyện để hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh L trình bày thừa nhận anh chị có xảy ra mâu thuẫn, bản thân anh có ham chơi nhưng vẫn có trách nhiệm quan tâm chăm sóc gia đình, sau đó anh chị đã ly thân cho đến nay. Anh thấy không còn tình cảm nên chị khởi kiện ly hôn với anh thì anh đồng ý. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, Chị P và anh L đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Chị P yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là Quỳnh Thị Bảo N – sinh ngày 03/11/2015, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về nuôi con chung tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Từ sau khi anh chị không còn chung sống, con chung đang do Chị P trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân Chị P có trách nhiệm chăm sóc con chung, có nghề nghiệp thu nhập đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Anh L đồng ý giao con cho Chị P nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản: Chị P và anh L trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị P.

- Về hôn nhân: Cho chị Cao Thị P được ly hôn với anh Quỳnh Văn L.

- Về nuôi con: Giao cho chị Cao Thị P trực tiếp nuôi con chung Quỳnh Thị Bảo N – sinh ngày 03/11/2015, tạm thời anh Quỳnh Văn L chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản:* Chị Cao Thị P và anh Quỳnh Văn L trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Cao Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Chị P đã nộp theo biên lai thu số 008004 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Thanh (Số 39, quyển số 01/2015 ngày 20/4/2015) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng